TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ TÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 22 /2021/HNGĐ-ST
Ngày: 01 - 7 - 2021.
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Kiều Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Sơn Thị Vành Đa;

Ông Lý Thanh Chiều.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Đoàn Phước Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Triệu Thị Mộng Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2021 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2021 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn M; Cư trú: Ấp Tân P, xã Phước H, huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tr (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị Lâm Thị L; Cư trú: Ấp Trà L, xã Thuận H, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15 tháng 3 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Văn M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn M và chị Lâm Thị L không có tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thuận H, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T vào ngày 19/8/2015. Sau khi kết hôn thì anh chị sinh sống tại ấp Tân P, xã Phước H, huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến T được vài tháng, sau đó anh chị sinh sống và làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Thời gian đầu, anh chị chung sống vui vẻ, hạnh phúc, đến năm 2018 thì anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, dẫn đến cãi vã, mâu thuẫn ngày càng nhiều, anh chị đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không thành.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh chị có 01 người con chung tên Nguyễn Lâm Minh T, sinh ngày 14/01/2016, hiện nay đang sống chung với chị L.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Anh Nguyễn Văn M yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn M yêu cầu được ly hôn với chị Lâm Thị L.

- Về con chung: Anh M đồng ý giao con chung tên Nguyễn Lâm Minh T, sinh ngày 14/01/2016 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh M không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn chị Lâm Thị L: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng bị đơn không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án triệu tập hợp lệ bị đơn 02 lần để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt. Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Biên bản không tiến hành hòa giải được và thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ để đưa vụ án ra xét xử.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Anh M và chị L chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, từ đó anh chị không còn chung sống cho đến nay; Về con chung tên Nguyễn Lâm Minh T, sinh ngày 14/01/2016 đang sống với chị L, tiếp tục giao cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Về tài sản chung và nợ chung không có yêu cầu giải quyết. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Tòa án triệu tập hợp lệ nguyên đơn để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm nhưng nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Xét thấy, việc vắng mặt của nguyên đơn không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

- Tòa án triệu tập hợp lệ cho bị đơn đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn cư trú ấp Trà L, xã Thuận H, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, anh Nguyễn Văn M và chị Lâm Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thuận H, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 110; Quyển số: I, ngày 19/8/2015. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình thì anh M có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị L.

[4] Xét lý do xin ly hôn của anh M, Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi kết hôn anh M và chị L chung sống với nhau có 01 người con chung. Tuy nhiên, anh M và chị L bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ năm 2018, nguyên nhân mâu thuẫn thường xuyên cãi nhau, anh chị đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không còn hạnh phúc, hiện nay mỗi người sống một nơi, không quan tâm, chăm sóc cho nhau, anh chị không còn chung sống với nhau từ năm 2018 cho đến nay. Tòa án đã triệu tập chị L 02 lần để hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ nhưng chị L không có mặt để Tòa án hòa giải đoàn tụ, chị L cũng không có ý kiến gì về việc anh M xin ly hôn, cho thấy chị L không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, tình trạng hôn nhân của anh M và chị L cũng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh M.

[5] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh M và chị L có 01 con chung tên Nguyễn Lâm Minh T, sinh ngày 14/01/2016, hiện nay đang sống chung chị L, anh M yêu cầu tiếp tục giao con chung cho chị L nuôi. Xét thấy, từ khi anh chị không còn chung sống với nhau thì cháu T sống chung với chị L, do chị L nuôi dưỡng, chăm sóc. Còn anh M không trực tiếp chăm sóc cháu T, anh M cũng đồng ý giao cháu T cho chị L nuôi dưỡng, chăm sóc, về mặt tình cảm thì cháu T gắn bó và yêu mến chị L nhiều hơn anh M, nhằm ổn định về mặt vật chất cũng như tinh thần cho cháu T. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và

gia đình. Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục giao cháu Nguyễn Lâm Minh T, sinh ngày 14/01/2016 cho chị L nuôi dưỡng đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

[6] Về nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Căn cứ khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, mà không ai được cản trở.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L có khả năng nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[9] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; khoản 3 Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn M và chị Lâm Thị L.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Lâm Minh T, sinh ngày 14/01/2016 cho chị L nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi, anh M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008979 ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, anh M đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Mỹ Tú;*
- *Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;*
- *TAND tỉnh Sóc Trăng;*
- *UBND xã Thuận H, huyện Mỹ T;*
- *Lưu: VT, hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đào Thị Kiều Oanh